

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Lâm;

Bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Bùi Quang D, sinh năm 1977; trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị C; có mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày: Chị C và anh Bùi Quang D kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định. Do tính cách không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Xét thấy, vợ chồng không thể cùng nhau chung sống, chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2018 và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Quang D trình bày: Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, có chăng chỉ là những va chạm nhỏ thường ngày nên anh D không đồng ý ly hôn, rất mong muốn chị C rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ.

Về con và tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 17 tháng 5 năm 2018, chị C và anh D thống nhất là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu ly hôn của chị C và sau khi nghe anh D trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị C, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị C và anh D kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L ngày 10 tháng 01 năm 2018, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian ngắn chung sống, do tính cách không hợp nhau làm cho cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, chị C có yêu cầu ly hôn anh D. Anh D mong muốn chị C rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Trên thực tế, giữa hai người đã không còn chung sống, chị C đã về sống cùng bố mẹ đẻ, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị C ly hôn anh D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con và tài sản chung: Chị C và anh D thống nhất là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị C có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị C và anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị C và anh Bùi Quang D.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2016/0000869 ngày 11 tháng 4 năm 2018, chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị C có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh D có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND tt. M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường